

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
MASAN MEATLIFE CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 13, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - The State Securities Commission
- The Hanoi Stock Exchange

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Name of organization: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu/ Stock code: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: 10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại/ Phone: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Authorized person for information disclosure: Mrs. Do Thi Thu Nga

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Type of information disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Upon Request ☐ Extraordinary ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Công văn giải trình biến động lợi nhuận**

Content of disclosed information: **The 2025 Audited Financial Statements and the explanatory letter on profit fluctuations.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/03/2026 tại đường dẫn: <https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/bao-cai-tai-chinh/?lang=vi>



*This information was published on the Company's website on March 13, 2026, at the following link:
<https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/financial-reports/>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is truthful and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
REPRESENTATIVE OF MASAN MEATLIFE
CORPORATION**

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin
Authorized person for information disclosure



ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý
Legal Director





Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 1 tháng 10 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (hiện nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Thi
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
(từ ngày 23 tháng 2 năm 2026)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 22 tháng 2 năm 2026)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
(trước đây là “Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1”)
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00821-26-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		424.191.490.271	385.090.244.882
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	55.611.010.032	11.908.040.032
Tiền	111		611.010.032	10.685.040.032
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	1.223.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.642.650.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	72.642.650.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.069.214.190	372.110.381.486
Phải thu của khách hàng	131	6	142.534.397.237	189.165.521.212
Trả trước cho người bán	132		-	157.492.460
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	139.000.000.000	136.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	27.293.944.858	60.689.438.595
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(13.759.127.905)	(14.402.070.781)
Tài sản ngắn hạn khác	150		868.616.049	1.071.823.364
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		868.616.049	1.071.823.364
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		7.016.043.347.005	6.714.594.217.697
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.153.302.192.087	2.072.074.137.004
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	2.012.000.000.000	2.071.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	141.302.192.087	1.074.137.004
Tài sản cố định	220		1.146.073.320	1.434.108.049
Tài sản cố định hữu hình	221		1.146.073.320	1.434.108.049
Nguyên giá	222		1.891.871.485	1.838.161.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(745.798.165)	(404.053.436)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.860.906.998.561	4.640.957.385.710
Đầu tư vào các công ty con	251	10(a)	5.229.828.300.000	4.849.828.300.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(a)	(1.017.024.025.456)	(856.973.638.307)
Tài sản dài hạn khác	260		688.083.037	128.586.934
Chi phí trả trước dài hạn	261		688.083.037	128.586.934
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.440.234.837.276	7.099.684.462.579

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

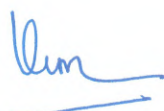
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.132.622.773.421	2.112.013.626.600
Nợ ngắn hạn	310		2.130.906.072.671	122.413.164.599
Phải trả người bán	311	11	14.963.633.966	18.111.930.145
Người mua trả tiền trước	312		293.374.649	293.374.649
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5.487.874.937	6.602.361.759
Chi phí phải trả	315	13	111.702.236.958	94.275.412.395
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.240.764.172	3.130.085.651
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	15	1.995.218.187.989	-
Nợ dài hạn	330		1.716.700.750	1.989.600.462.001
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	15	-	1.988.075.470.001
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.716.700.750	1.524.992.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.307.612.063.855	4.987.670.835.979
Vốn chủ sở hữu	410	16	5.307.612.063.855	4.987.670.835.979
Vốn cổ phần	411	17	3.403.168.580.000	3.290.525.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.403.168.580.000	3.290.525.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.137.052.965.149	2.137.102.965.149
Lỗi lũy kế	421		(232.609.481.294)	(439.958.059.170)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(439.958.059.170)	(410.382.252.122)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay/ (Lỗi sau thuế năm trước)	421b		207.348.577.876	(29.575.807.048)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.440.234.837.276	7.099.684.462.579

Ngày 3 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Mạnh Quang
Người lập



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	185.361.508.038	161.828.085.340
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		176.534.769.559	154.121.986.039
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		8.826.738.479	7.706.099.301
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	544.911.721.231	522.472.903.218
Chi phí tài chính	22	22	338.737.876.302	555.413.198.132
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		171.465.408.617	177.986.160.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.652.005.532	4.339.532.509
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		207.348.577.876	(29.573.728.122)
Chi phí khác	32		-	2.078.926
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32)	40		-	(2.078.926)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		207.348.577.876	(29.575.807.048)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		207.348.577.876	(29.575.807.048)

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Mạnh Quang
Người lậpMã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	207.348.577.876	(29.575.807.048)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	341.744.729	202.563.118
Các khoản dự phòng	03	160.300.719.649	368.476.579.630
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(544.909.769.736)	(522.472.903.218)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	178.608.126.605	188.637.097.576
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.689.399.123	5.267.530.058
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	42.902.371.274	(77.680.392.108)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	13.889.962.717	(5.778.317.246)
Biến động chi phí trả trước	12	(356.288.788)	(447.369.386)
		58.125.444.326	(78.638.548.682)
Tiền lãi vay đã trả	14	(171.498.285.001)	(189.350.430.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(113.372.840.675)	(267.988.979.011)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(53.710.000)	(1.586.321.167)
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(417.642.650.000)	(2.131.000.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	401.500.000.000	2.018.794.077.093
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(380.000.000.000)	(350.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	441.489.510.675	701.526.131.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.293.150.675	237.733.886.976

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	2025 VND	2024 VND
-------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên, trừ đi chi phí phát hành	31	111.782.660.000	30.119.830.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	60.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(60.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	-	(33.516.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	111.782.660.000	30.086.314.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	43.702.970.000	(168.778.035)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	11.908.040.032	12.076.818.067
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	55.611.010.032	11.908.040.032

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Mạnh Quang
Người lậpMã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2025: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 10.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 202 nhân viên (1/1/2025: 177 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị. Dự phòng giảm giá đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay, thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); dự phòng đầu tư tài chính dài hạn; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(o) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(q) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	611.010.032	10.685.040.032
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	1.223.000.000
	<hr/>	<hr/>
	55.611.010.032	11.908.040.032

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và được hưởng lãi suất từ 4,75% đến 6,40% một năm.

6. Phải thu của khách hàng*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	34.471.814.100	56.220.256.989
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	16.500.149.441	25.184.528.848
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	15.275.826.703	12.045.853.956
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	4.308.435.589	4.662.824.265
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	17.527.456.896	41.982.534.302
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	16.138.995.991	20.455.411.631
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	15.522.305.710	6.126.920.051
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	8.952.468.534	8.007.304.021

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	70.000.000.000	70.000.000.000
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	69.000.000.000	66.500.000.000
	139.000.000.000	136.500.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2027	177.000.000.000	150.000.000.000
<i>Bên liên quan khác</i>			
▪ Công ty TNHH Zenith Investment	2027	1.835.000.000.000	1.921.000.000.000
		2.012.000.000.000	2.071.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu từ cho vay	2.136.958.904	38.166.480.009
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	1.291.726.015	8.923.932
Phải thu khác từ các công ty con	23.751.799.679	22.421.550.591
Phải thu khác	113.460.260	92.484.063
	27.293.944.858	60.689.438.595

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	4.722.407.034	6.521.130.075
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	4.916.655.442	8.141.942.934
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	3.829.382.562	1.563.351.959
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	698.810.216	1.053.879.759
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	4.781.401.418	4.691.694.804
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	3.906.271.845	34.723.644.474
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	1.905.463.703	3.316.927.661
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	1.128.366.363	575.458.934

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Zenith Investment, một bên liên quan	134.322.000.004	384.200.004
Lãi phải thu từ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, một công ty con	4.229.178.083	-
Đặt cọc dài hạn	2.751.014.000	689.937.000
	141.302.192.087	1.074.137.004

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan.

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	14.402.070.781	14.370.544.503
Dự phòng trích lập trong năm	-	850.354.860
Dự phòng sử dụng trong năm	(473.942.876)	(477.569.582)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(169.000.000)	(341.259.000)
Số dư cuối năm	13.759.127.905	14.402.070.781

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Đầu tư tài chính dài hạn****(a) Đầu tư vào các công ty con**

	31/12/2025		1/1/2025	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (“MHN”) (*)	100,00%	2.766.000.000.000	100,00%	2.386.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”)	74,99%	985.000.000.000	74,99%	985.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“FNA”)	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3FV”) (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNM”) (**)	99,99%	54.000.000	99,99%	54.000.000
		5.229.828.300.000		4.849.828.300.000

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá với số tiền là 1.017.024 triệu VND (1/1/2025: 856.974 triệu VND). Dự phòng cho các khoản đầu tư này được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c).

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	856.973.638.307	490.258.885.037
Dự phòng trích lập trong năm	160.050.387.149	366.714.753.270
Số dư cuối năm	1.017.024.025.456	856.973.638.307

- (**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, MNM đang trong quá trình giải thể. MNM đã hoàn thành thủ tục giải thể vào ngày 13 tháng 1 năm 2026.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MHN VND	MSJ VND	FNA VND	3FV VND	MNM VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.386.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	4.849.828.300.000
Tăng trong năm	380.000.000.000	-	-	-	-	380.000.000.000
Số dư cuối năm	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	5.229.828.300.000

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cổ phiếu	31/12/2025 % lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Số cổ phiếu	1/1/2025 % lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	20.180.026	24,94%	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Vissan được thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính của Vissan là sản xuất, bán buôn và bán lẻ thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Không có biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần The CrownX	4.622.272.666	1.612.828.884
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	3.493.949.149	9.565.972.082
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	3.179.902.209	1.616.591.085
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	-	3.062.978.039
Các nhà cung cấp khác	3.667.509.942	2.253.560.055
	14.963.633.966	18.111.930.145

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	3.179.902.209	1.616.591.085
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	-	73.513.363
<i>Các bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	4.622.272.666	1.612.828.884
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	3.493.949.149	9.565.972.082
▪ Công ty TNHH The Sherpa	384.045.107	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	18.817.805	16.763.916
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	10.907.330	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	-	3.062.978.039

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ/ Hoàn lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.542.557.340	19.327.262.735	(13.237.077.574)	(5.405.793.801)	4.226.948.700
Thuế thu nhập cá nhân	3.059.804.419	22.760.895.255	(23.878.262.443)	(681.510.994)	1.260.926.237
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	4.351.265	(4.351.265)	-	-
	6.602.361.759	42.092.509.255	(37.119.691.282)	(6.087.304.795)	5.487.874.937

13. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	60.141.864.328	60.174.740.712
Thưởng thành tích và lương tháng 13	22.277.962.475	24.025.820.000
Chi phí khác	29.282.410.155	10.074.851.683
	111.702.236.958	94.275.412.395

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	700.205.100	700.205.100
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	-	809.990.000
Phải trả khác (*)	2.540.559.072	1.619.890.551
	3.240.764.172	3.130.085.651

(*) Phải trả khác bao gồm khoản phải trả một bên liên quan với giá trị ghi sổ 788.593.451 (1/1/2025: nil) không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Trái phiếu phát hành**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu phát hành bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(4.761.812.011)	(11.904.529.999)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.995.218.187.989	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	1.988.075.470.001

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	8,575%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các bên liên quan của Công ty nắm giữ 30.018 triệu VND (1/1/2025: 1.204.561 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Biến động trong năm của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	11.904.529.999	19.047.247.987
Phân bổ trong năm	(7.142.717.988)	(7.142.717.988)
Số dư cuối năm	4.761.812.011	11.904.529.999

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(410.382.252.122)	4.987.126.813.027
Phát hành cổ phiếu mới theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (Thuyết minh 18)	19.196.530.000	10.923.300.000	-	30.119.830.000
Lỗi thuần trong năm	-	-	(29.575.807.048)	(29.575.807.048)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979
Phát hành cổ phiếu mới theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (Thuyết minh 18)	112.642.650.000	(50.000.000)	-	112.592.650.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	207.348.577.876	207.348.577.876
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	(232.609.481.294)	5.307.612.063.855

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2025		2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Phát hành cổ phiếu	11.264.265	112.642.650.000	1.919.653	19.196.530.000
Số dư cuối năm	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000

18. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo chương trình này phải được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2025, Công ty đã phát hành 11.264.265 cổ phiếu (2024: 1.919.653 cổ phiếu) cho nhân viên theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng 1 năm	9.810.960.000	2.955.168.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	360.000.000	3.124.080.000
	10.170.960.000	6.079.248.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025	1/1/2025
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
	Tương đương VND	Tương đương VND
USD	-	1.088
	26.288.621	

20. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lợi nhuận được chia từ một công ty con	380.000.000.000	350.000.000.000
Thu nhập lãi	154.819.756.736	160.364.887.618
Thu nhập cổ tức từ công ty liên kết	10.090.013.000	12.108.015.600
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.951.495	-
	544.911.721.231	522.472.903.218

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Chi phí tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	171.465.408.617	177.986.160.410
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	160.050.387.149	366.714.753.270
Chi phí phát hành trái phiếu	7.142.717.988	7.142.717.988
Chi phí khác	79.362.548	3.569.566.464
	338.737.876.302	555.413.198.132

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	207.348.577.876	(29.575.807.048)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	41.469.715.575	(5.915.161.410)
Chi phí không được khấu trừ thuế	182.255.720	253.332.618
Thu nhập không chịu thuế	(78.018.002.600)	(72.421.603.120)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	36.366.031.305	78.083.431.912
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.106.046.489.350	221.209.297.870	998.671.363.591	199.734.272.718
Lỗi tính thuế	613.865.180.663	122.773.036.133	539.410.149.899	107.882.029.980
	1.719.911.670.013	343.982.334.003	1.538.081.513.490	307.616.302.698

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	405.181.465.911
2027	Chưa quyết toán	97.584.232.750
2029	Chưa quyết toán	36.644.451.238
2030	Chưa quyết toán	74.455.030.764
		<hr/> 613.865.180.663 <hr/>

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

H
N
K
/

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Chia sẻ chi phí (*)	2.944.353.897	1.496.843.597
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản		
Thu nhập cổ tức	10.090.013.000	12.108.015.600
Các công ty con		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Góp vốn	380.000.000.000	350.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	52.785.093.738	45.083.631.183
Mua hàng hóa	-	59.784.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Vay	-	60.000.000.000
Trả nợ gốc vay	-	60.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.643.836
Cung cấp dịch vụ	24.131.311.159	20.587.372.191
Mua hàng hóa	-	71.064.815
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Lợi nhuận được chia	380.000.000.000	350.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	15.078.401.570	13.734.694.631
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cho vay	70.000.000.000	60.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	70.000.000.000	69.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	4.777.643.835	5.638.684.931
Cung cấp dịch vụ	11.106.613.519	10.657.008.193
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	275.000.000.000	150.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	245.500.000.000	177.416.497.299
Thu nhập lãi cho vay	11.097.301.373	15.123.924.194
Cung cấp dịch vụ	27.558.241.847	24.469.626.340
Mua hàng hóa	-	51.938.160

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	10.096.405.527	9.959.031.932
Mua tài sản cố định	-	87.522.360
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01		
Cung cấp dịch vụ	22.625.904.359	21.029.337.737
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Cung cấp dịch vụ	21.979.536.319	16.307.383.133
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin (*)	22.471.558.955	21.679.311.294
Mua hàng hóa	23.152.773	16.599.999
Mua tài sản cố định	-	1.424.423.807
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Chia sẻ chi phí (*)	4.269.809.051	2.836.090.777
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	212.844.922	139.934.786
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	171.515.366	134.677.827
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan		
Thu hồi khoản cho vay	-	1.772.377.579.794
Thu nhập lãi cho vay	-	138.440.031.386
Công ty Cổ phần The CrownX		
Chia sẻ chi phí (*)	4.307.429.981	1.493.360.078
Công ty TNHH Zenith Investment		
Cho vay	-	1.921.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	86.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	134.815.000.000	384.200.000
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage		
Mua hàng hóa	26.936.714	9.181.716
Công ty TNHH The Sherpa		
Chia sẻ chi phí	349.131.915	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Nhân sự quản lý chủ chốt (**)		
Thù lao trả cho nhân sự quản lý chủ chốt	4.837.828.000	5.882.137.000

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 2024, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Công ty đã trình bày lại các giao dịch của năm trước để bao gồm các chi phí trả thay các công ty con cho các bên liên quan này để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại.
- (**) Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị (***)		
Ông Danny Le – Chủ tịch	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thắng – Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quốc Trung – Thành viên	-	-
Ủy ban Kiểm toán (***)		
Ông Huỳnh Việt Thắng – Trưởng ban	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Quốc Trung	4.837.828.000	5.882.137.000

- (***) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 2024.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	234.818.000.000	187.214.300.667

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 3 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Mạnh Quang
Người lập



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc